Ngành nghề ưu đãi đầu tư

**DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

       I. **Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo**

1. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.

2. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xốp, phôi thép.

3. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều. 4. Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; dụng cụ chỉnh hình, xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.

5. Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.

6. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, Internet, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.

7. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

8. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; rô bốt công nghiệp.

**II. Nuôi trồng, chế biến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới**

9. Trồng, chăm sóc rừng.

10. Nuôi trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác.

11. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.

12. Sản xuất giống mới, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao.

13. Sản xuất, khai thác, tinh chế muối.

**III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao**

14. ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học.

15. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân ích môi trường.

16. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.

17. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

       **IV. Sử dụng nhiều lao động**

18. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.

**V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án quan trọng**

19. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

      **VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục và thể thao**

20. Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá.

21. Thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

22. Thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.

23. Xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao, thể thao cho người tàn tật, cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải thi đấu quốc tế.

      **VII. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác**

24. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu trở lên.

25. Dịch vụ cứu hộ trên biển.

26. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

**DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

      **I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo**

1. Sản xuất: vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thuỷ tinh; xi măng đặc chủng.

2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.

3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.

4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.

5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đề phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.

6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.

7. Phát triển công nghiệp hoá dầu.

8. Sản xuất than cốc, than hoạt tính.

9. Sản xuất: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y.

10. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y;

11. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.

12. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.

13. Sản xuất sản phẩm điện tử.

14. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.

15. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.

16. Đầu tư sản xuất động cơ diezen; đầu tư sản xuất và sửa chữa, đóng tàu thuỷ; thiết bị phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá; sản xuất máy, phụ tùng ngành động lực, thủy lực, máy áp lực.

17. Sản xuất: thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải; đầu máy xe lửa, toa xe.

18. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

19. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da, .

        **II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản, làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới**

20. Trồng cây dược liệu.

21. Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm.

22. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.

23. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thuỷ sản.

24. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, chăn nuôi, thuỷ sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

25. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.

      **III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao**

26. Sản xuất thiết bị ứng phó, xử lý tràn dầu.

27. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

28. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

      **IV. Sử dụng nhiều lao động**

29. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

      **V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng**

30. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.

31. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.

32. Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

33. Xây dựng, cải tạo cầu, đường bộ, cảng hàng không, sân bay, bến cảng, nhà ga, bến xe, nơi đỗ xe; mở thêm các tuyến đường sắt.

34. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

     **VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc**

35. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.

36. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.

37. Xây dựng: trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

38. Thành lập: nhà văn hoá dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.

39. Đầu tư xây dựng: khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

          **VII. Phát triển ngành nghề truyền thống**

40. Xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống về sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm, các sản phẩm văn hóa.

**VIII. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác**

41. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

42. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: phát triển tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải đường sắt, phương tiện vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thủy nội địa chở khách hiện đại, tốc độ cao, phương tiện chở công-ten-nơ, phương tiện vận tải viễn dương.

43. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.

44. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.

45. Sản xuất đồ chơi trẻ em.

46. Hoạt động huy động vốn, cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

47. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

48. Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh.

49. Sản xuất hoá chất cơ bản, hoá chất tinh khiết, hoá chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.

50. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hoá chất.

51. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

52. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.

53. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.